

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST

Ngày: 26-9-2019

"*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

2. Ông Đỗ Tứ Hải.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Quyên* – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2019/TLST – DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị H* – sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn: 2.1. Ông Nguyễn Trung H1* – sinh năm: 1953 (có mặt).

2.2. Bà Võ Thị Th – sinh năm: 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Trung Ng, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Vào ngày 10/7/(âm)/2015 nhằm ngày 23/8(dl)/2015 chị có cho ông Nguyễn Trung H1 và bà Võ Thị Th vay số tiền là 200.000.000đ với mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, có làm biên nhận nợ do ông H1 ký tên vào biên nhận, hai bên thỏa thuận thời gian trả là khi nào chị cần thu hồi lại tiền vay thì sẽ

thông báo cho ông H1 biết trước 10 ngày hoặc 15 ngày để ông H1 trả tiền vay cho chị. Sau đó ông H1 có đóng lãi cho chị được 02 tháng là ngày 10/8(âl)/2015 nhằm ngày 22/9(dl)/2015 là 6.000.000đ và 10/9(âl)/2015 nhằm ngày 22/10(dl)/2015 là 6.000.000đ, đến tháng 10(âl)/2015 thì ông H1 có đến gặp chị xin ngưng không trả lãi còn tiền vốn thì ông H1 xin gia hạn lại thời gian trả do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, ông H1 nói với chị là ông H1 đang thuê đất trồng cam, khi bán được cam thì ông H1 sẽ trả dần cho chị số tiền trên cho đến hết nợ nhưng đến khi ông H1, bà Th bán được cam thì không trả tiền vay cho chị, chị đã nhiều lần đến nhà ông H1 và bà Th để đòi số tiền trên nhưng ông H1 và bà Th không trả, đến tháng 7 năm 2019 ông H1 cho rằng không có vay của chị nên chị mới khởi kiện. Nay chị yêu cầu ông H1 và bà Th phải trả cho chị số tiền vốn vay là 200.000.000đ và lãi suất 01%/tháng từ ngày 21/11(dl)/2015 đến ngày 21/9(dl)/2019 là 46 tháng thành tiền là 92.000.000đ. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 292.000.000đ.

* Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Trung H1 trình bày: Ông thừa nhận và thống nhất biên nhận nợ ghi ông có mượn của chị H số tiền 200.000.000đ là do ông ký tên nhưng ông không có nhận số tiền 200.000.000đ. Do làm ăn mua bán với chị H và ông cũng nhiều lần hỏi vay tiền của chị H nên ông biết chị H có cho vay, ông đã chỉ cho bà Phượng máy chà ở Trung Hiếu hỏi chị H vay tiền, số tiền bao nhiêu ông không biết, ông có gọi điện cho chị H để nói cho bà Phượng vay tiền, giữa chị H giao dịch với bà Phượng, ông không có tham gia giao dịch với chị H, hàng tháng đóng lãi cho chị H cũng do bà Phượng đóng lãi, ông không có đóng lãi cho chị H, đến khi bà Phượng vỡ nợ trốn đi thì chị H nhờ ông viết biên nhận là có nhận của chị H 200.000.000đ để chị H về đưa cho chồng chị H xem nếu không thì chị H bị chồng đánh, vì chỗ quen biết nên ông đã viết biên nhận nhưng không có ghi ngày tháng năm, nhưng ông nhớ cách đây khoảng 5 năm, biên nhận ông ký tên nhưng thực chất là ông không có nhận tiền, ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh số tiền trên ông không có nhận. Vì ông ký tên trong biên nhận nên chị H yêu cầu ông và bà Th phải trả số tiền trên ông cũng đồng ý nhưng hiện nay ông không có khả năng, ông xin trả dần mỗi tháng là 500.000đ đến khi nào hết nợ. Đối với số tiền lãi thì ông không đồng ý trả vì ông không có nhận tiền nên ông không đồng ý trả tiền lãi.

* Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị Th trình bày: Việc chồng bà là ông H1 vay tiền của chị H thì bà không biết gì do ông H1 không có nói lại với bà. Nay bà thống nhất theo ý kiến của ông H1, bà đồng ý cùng với ông H1 trả cho chị H số tiền vốn vay là 200.000.000đ bà không đồng ý trả lãi.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn yêu cầu, đơn yêu cầu xác nhận, đơn xin xác nhận, biên nhận, biên bản hòa giải, chứng minh nhân dân (bản sao), sổ hộ khẩu (bản sao), giấy chuyển, dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn bà đã nộp: Bảng khai ý kiến, đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Huỳnh Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị và ông Nguyễn Trung H1, bà Võ Thị Th. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa chị H và ông H1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên.

Xét yêu cầu của chị H là có cơ sở, thể hiện qua lời trình bày của các đương sự, cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện.

Chị H yêu cầu ông H1 và bà Th trả cho chị H số tiền vốn vay là 200.000.000đ và tiền lãi 46 tháng x 1%/tháng thành tiền là 92.000.000đ, ông H1 bà Th thống nhất trả cho chị H số tiền vốn là 200.000.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng là 500.000đ đến khi nào hết nợ, ông H1 bà Th không đồng ý trả số tiền lãi vì ông bà cho rằng ông bà không có nhận số tiền vốn, ông bà đồng ý trả vì ông H1 đã ký tên trong biên nhận, ông H1 bà Th không có chứng cứ gì chứng minh rằng ông Th không có nhận tiền của chị H, ông Th cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận nợ là do ông Th viết và ký tên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H buộc ông H1 và bà Th có Ng vụ trả cho chị H số tiền vốn là 200.000.000đ và lãi là 92.000.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 292.000.000đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông H1 và bà Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.600.000đ nhưng ông H1 và bà Th là người cao tuổi nên ông H1, bà Th được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H.

Buộc ông Nguyễn Trung H1, bà Võ Thị Th phải có Ng vụ trả lại cho chị Huỳnh Thị H số tiền vốn vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 292.000.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trung H1, bà Võ Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.600.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng ông Nguyễn Trung H1, bà Võ Thị Th là người cao tuổi nên ông Nguyễn Trung H1, bà Võ Thị Th được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hn trả lại cho chị Huỳnh Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 8.361.000đ (Tám triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo lai thu số N^o 0007598, ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh